

QUYẾT ĐỊNH

**Về tỷ lệ phần trăm phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và
ngân sách cấp huyện, thành phố từ năm 2007**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
- Căn cứ Luật NSNN số 01/2002/QH11, ngày 16/12/2002 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật NSNN;
- Căn cứ Quyết định số: 1506/2006/QĐ-TTg ngày 14/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ “Về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2007”;
- Căn cứ Quyết định số: 3771/QĐ-BTC, ngày 16/11/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính “Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2007”; Thông tư số: 107/2006/TT-BTC ngày 20/11/2006 của Bộ Tài chính “Hướng dẫn một số điểm về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2007”;
- Căn cứ Nghị quyết số: 45/2006/NQ-HĐND ngày 14/12/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa VII - kỳ họp thứ 7 “Về tỷ lệ phần trăm phân chia giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương từ năm 2007 tỉnh Đắk Lắk”;
- Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện, thành phố từ năm 2007; chi tiết như phụ lục đính kèm.

2. Trên cơ sở tỷ lệ phần trăm phân chia quy định trên và tình hình thực tế trên địa bàn; UBND huyện, thành phố trình UBND tỉnh quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách huyện, thành phố với ngân sách xã, phường, thị trấn của từng huyện, thành phố.

3. Riêng thành phố Buôn Ma thuột có tỷ lệ phần trăm phân chia về ngân sách tỉnh, nếu thu vượt so với dự toán tỉnh giao, được thưởng theo khoản 5, điều 59 Luật NSNN:

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số: 09/2004/QĐ-UB ngày 25/02/2004 của UBND tỉnh “Về tỷ lệ điều tiết ngân sách địa phương năm 2004”.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc bạc nhà nước tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm ãnh Quyết định này.

▫ Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/01/2007 ././

Nơi nhận:

- Như điều 3,
- Vụ pháp chế-Bộ Tài chính (thay b/c),
- Cục kiểm tra VB-Bộ Tư pháp (thay b/c),
- Đoàn đại biểu QH tỉnh,
- UBMTTQVN tỉnh,
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (thay b/c)
- CT, PCT UBND tỉnh,
- Ban KT-NS HĐND tỉnh,
- Chánh, phó CVP,
- Công báo, Website tỉnh,
- Lưu VT-TM-TH.

**T/M. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lữ Ngọc Cư

**CHI TIẾT TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH
VÀ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN – THÀNH PHỐ TỪ NĂM 2007**

Thực hiện theo Quyết định số: 53 /2006/QĐ-UBND ngày 9/12/2006 của UBND tỉnh Đắk Lắk

Nội dung các khoản thu	NSTW	NST	NSH	NSX
1. Các khoản thu ngân sách tỉnh hưởng 100%				
Thực hiện theo tiết a.1 điểm a khoản 1 điều 1 tại Nghị quyết số 37/2006/NQ-HĐND ngày 11/10/2006 của HĐND tỉnh	0%	100%	0%	0%
Riêng khoản thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	50%	0%	50%	0%
2. Các khoản thu ngân sách huyện, thành phố hưởng 100%				
Thực hiện theo tiết a.1 điểm a khoản 2 điều 1 tại Nghị quyết số 37/2006/NQ-HĐND ngày 11/10/2006 của HĐND tỉnh	0%	0%	100%	0%
Riêng khoản thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	50%	0%	50%	0%
3. Các khoản thu NS xã, phường, thị trấn hưởng 100%				
Thực hiện theo tiết a.1 điểm a khoản 3 điều 1 tại Nghị quyết số 37/2006/NQ-HĐND ngày 11/10/2006 của HĐND tỉnh	0%	0%	0%	100%
Riêng khoản thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	50%	0%	50%	0%
4. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách tỉnh với ngân sách huyện, thành phố				
a) Thuế giá trị gia tăng				
a.1. Thuế giá trị gia tăng (không kể thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu và thuế và thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động xổ số kiến thiết) do huyện, thành phố quản lý thu				
- Thành phố Buôn Ma Thuột	0%	53%	47%	
- Các huyện còn lại	0%	0%	100%	
a.2. Thuế giá trị gia tăng (không kể thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động xổ số kiến thiết) do tỉnh quản lý thu	0%	100%	0%	0%
b) Thuế thu nhập doanh nghiệp				
b.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp của các đơn vị hạch toán toàn ngành và thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ hoạt động xổ số kiến thiết) do huyện, thành phố quản lý thu				
- Thành phố Buôn Ma Thuột	0%	53%	47%	
- Các huyện còn lại	0%	0%	100%	
b.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp của các đơn vị hạch toán toàn ngành và thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ hoạt động xổ số kiến thiết) do tỉnh quản lý thu	0%	100%	0%	0%

Nội dung các khoản thu	NSTW	NST	NSH	NSX
c) Thuế môn bài	0%	0%	100%	
d) Thuế nhà, đất	0%	0%	100%	
đ) Thuế chuyển quyền sử dụng đất	0%	0%	100%	
e) Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0%	0%	100%	
f) Lệ phí trước bạ	0%	0%	100%	
- Huyện, thành phố quản lý thu	0%	0%	100%	
- Tỉnh quản lý thu	0%	100%	0%	0%
g) Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao				
- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0%	100%	0%	0%
- Thu từ các lĩnh vực còn lại	0%	0%	100%	
h) Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước				
- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0%	100%	0%	0%
- Thu từ các lĩnh vực còn lại	0%	0%	100%	
i) Phí xăng dầu	0%	100%	0%	0%
j) Tiền sử dụng đất				
- Tỉnh quản lý thu	0%	100%	0%	0%
- Huyện, thành phố quản lý thu				
+ Thành phố Buon Ma Thuật (sau khi trừ chi phí đầu tư nếu có)	0%	30%	70%	
+ Các huyện còn lại	0%	0%	100%	